

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0642007 - Cơ lý thuyết

STC : 3(45,0,0,0,0,0)

Lần thi : 1

Lớp :

Năm học : 2013-2014

Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Lê	Thi	3375010315	19/09/1991	,00	,00	,00	CAM T
2	Âu Dương	Khương	3645010087	24/03/1990	,00	,00	,00	Nợ HPC
3	Bùi Chánh	Duân	3645010234	04/12/1994	,00	,00	,00	Nợ HPC
4	Nguyễn Tiến	Nghĩa	3645010256	28/09/1991	,00	,00	,00	Nợ HPC
5	Quách Đình	Hiệp	3645010331	10/09/1992	,00	,00	,00	CAM T
6	Ngô Tấn	Tiến	3645010382	29/01/1993	,00	,00	,00	Nợ HPC
7	Nguyễn Thế	Sang	3645010470	26/07/1994	,00	,00	,00	Nợ HPC
8	Trần Vũ	Hào	3645010476	15/06/1994	,00	,00	,00	CAM T
9	Lê Đức	Thọ	3645012115	24/12/1992	,00	,00	,00	Nợ HPC
10	Trần Sơn	Hải	3741010035	03/11/1989	10,00	10,00	10,00	
11	Huỳnh Hữu	Lý	3741010042	13/09/1994	7,00	8,00	7,50	
12	Đoàn Văn Minh	Trí	3741010063	19/04/1994	6,00	4,00	5,00	
13	Trần Ngọc	Tiến	3745010007	10/07/1995	5,00	2,00	3,50	
14	Phạm Quốc	Cường	3745010012	07/05/1995	5,00	1,00	3,00	
15	Tôn Long	Tân	3745010021	16/07/1993	4,00	2,00	3,00	
16	Nguyễn Ngọc	Trường	3745010022	11/11/1992	6,00	10,00	8,00	
17	Huỳnh Hùng	Cường	3745010023	06/09/1992	6,00	8,00	7,00	
18	Lê Minh	Thuận	3745010029	07/04/1995	7,00	7,00	7,00	
19	Võ Văn	Chí	3745010031	20/02/1995	4,00	,00	2,00	
20	Phan Minh	Thành	3745010032	07/08/1995	7,00	6,00	6,50	
21	Nguyễn Tiến	Đạt	3745010033	10/12/1995	5,00	10,00	7,50	
22	Nguyễn Hoàng	Minh	3745010047	04/10/1992	8,00	10,00	9,00	
23	Nguyễn Thanh	Tâm	3745010055	08/09/1988	9,00	8,00	8,50	
24	Nguyễn Thanh	Toàn	3745010069	25/11/1989	9,00	10,00	9,50	
25	Hồ Thanh	Vũ	3745010070	22/09/1990	,00	,00	,00	CAM T
26	Nguyễn Ngọc	Thảo	3745010084	12/03/1995	8,00	8,00	8,00	
27	Trần Văn	Vũ	3745010088	25/09/1994	8,00	5,00	6,50	
28	Nguyễn Nhật	Huy	3745010095	13/04/1994	5,00	,00	2,50	
29	Phan Văn	Tuân	3745010107	29/05/1993	,00	,00	,00	CAM T
30	Nguyễn Xuân	Hòa	3745010112	17/10/1995	8,00	,00	4,00	
31	Hán Văn	Chiếu	3745010113	06/09/1990	4,00	7,00	5,50	
32	Lại Đình	Long	3745010114	01/03/1995	7,00			
33	Nguyễn Duy	Trung	3745010117	28/02/1995	7,00	8,00	7,50	
34	Lê Tuấn	Vũ	3745010121	06/08/1993	5,00	3,00	4,00	
35	Nguyễn Phú	Tài	3745010124	13/08/1994	4,00			

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Nguyễn Trọng	Duẩn	3745010127	24/10/1994	6,00	4,00	5,00	
37	Võ Duy	Sơn	3745010128	25/09/1994	4,00	6,00	5,00	
38	Nguyễn Hoàng	Chuong	3745010130	26/03/1993	8,00	5,00	6,50	
39	Bùi Minh	Tuấn	3745010141	15/05/1992	,00	,00	,00	CAM T
40	Mai Thanh	Tâm	3745010147	26/01/1995	5,00	3,00	4,00	
41	Trần Quốc	Việt	3745010148	04/06/1995	6,00	6,00	6,00	
42	Đoàn Duy	Thành	3745010149	15/07/1991	6,00	8,00	7,00	
43	Ngô Xuân	Sơn	3745010156	10/02/1991	6,00	2,00	4,00	
44	Bùi Văn	Tiến	3745010157	07/12/1994	6,00	8,00	7,00	
45	Võ Anh	Duy	3745010158	01/02/1995	5,00	,00	2,50	
46	Huỳnh Kim	Trà	3745030119	29/03/1993	9,00	10,00	9,50	

Tổng số : **SV**

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 02 năm 2014

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)